

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố Hệ thống quản lý chất lượng
theo tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001:2015**

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ TỈNH ĐỒNG THÁP

Căn cứ Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính Phủ về việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2014/TT-BKHCN ngày 10 tháng 10 năm 2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc Quy định chi tiết thi hành Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 101/QĐ-BKHCN ngày 21 tháng 01 năm 2019 của Bộ Trưởng Bộ KH&CN về việc công bố Mô hình khung hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 cho các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước tại địa phương;

Căn cứ Quyết định số 10/2025/QĐ-UBND ngày 08 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Y tế tỉnh Đồng Tháp;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng, Sở Y tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố Hệ thống quản lý chất lượng (HTQLCL) được xây dựng, áp dụng tại Sở Y tế Đồng Tháp phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 theo quy định tại Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 101/QĐ-BKHCN đối với tất cả các lĩnh vực hoạt động giải quyết các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của Sở Y tế Đồng Tháp. (Có danh mục tài liệu HTQLCL TCVN ISO 9001:2015 kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế các Quyết định trước đây của Giám đốc Sở Y tế về việc công bố lại Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001-2015.

Điều 3. Chánh Văn phòng Sở, Ban chỉ đạo ISO, các phòng, đơn vị thuộc Sở chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Website SYT;
- Sở KH&CN;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, VP.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Lâm Thị Ngọc Kim

PHỤ LỤC
DANH MỤC TÀI LIỆU HTQLCL TCVN ISO 9001:2015
(Kèm theo Quyết định số 591/QĐ-SYT ngày 08/4/2026 của Sở Y tế tỉnh Đồng Tháp)

TT	Mã	QĐ của Bộ	QĐ của UBND tỉnh	Tên thủ tục	Lĩnh vực
1	1.013838	2495/QĐ-BYT	193/QĐ-UBND	Cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với sản phẩm thực phẩm xuất khẩu thuộc quyền quản lý của Bộ Y tế	An toàn thực phẩm
2	1.013847	2495/QĐ-BYT	193/QĐ-UBND	Sửa đổi, bổ sung, cấp lại giấy chứng nhận lưu hành tự do đối với sản phẩm thực phẩm xuất khẩu thuộc quyền quản lý của Bộ Y tế (CFS)	An toàn thực phẩm
3	1.013851	2495/QĐ-BYT	193/QĐ-UBND	Đăng ký nội dung quảng cáo đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng	An toàn thực phẩm
4	1.013855	2495/QĐ-BYT	193/QĐ-UBND	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, cơ sở sản xuất thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế	An toàn thực phẩm
5	1.013858	2495/QĐ-BYT	193/QĐ-UBND	Đăng ký bản công bố sản phẩm nhập khẩu đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi	An toàn thực phẩm
6	1.013862	2495/QĐ-BYT	193/QĐ-UBND	Đăng ký bản công bố sản phẩm sản xuất trong nước đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi	An toàn thực phẩm
7	1.013857	2495/QĐ-BYT	193/QĐ-UBND	Chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước	An toàn thực phẩm

8	1.013854	2495/QĐ-BYT	193/QĐ-UBND	Đăng ký gia hạn chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước	An toàn thực phẩm
9	1.013850	2495/QĐ-BYT	193/QĐ-UBND	Đăng ký thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước	An toàn thực phẩm
10	1.013844	2495/QĐ-BYT	193/QĐ-UBND	Đăng ký chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm đã được tổ chức công nhận hợp pháp của Việt Nam hoặc tổ chức công nhận nước ngoài là thành viên tham gia thỏa thuận lẫn nhau của Hiệp hội công nhận phòng thí nghiệm Quốc tế, Hiệp hội công nhận phòng thí nghiệm Châu Á- Thái Bình Dương đánh giá và cấp chứng chỉ công nhận theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025 hoặc Tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025	An toàn thực phẩm
11	1.013841	2076/QĐ-BYT	193/QĐ-UBND	Miễn kiểm tra giám sát đối với cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm đã được tổ chức công nhận hợp pháp của Việt Nam hoặc tổ chức công nhận nước ngoài là thành viên tham gia thỏa thuận lẫn nhau của Hiệp hội công nhận phòng thí nghiệm Quốc tế, Hiệp hội công nhận phòng thí nghiệm Châu Á- Thái Bình Dương đánh giá và cấp chứng chỉ công nhận theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025 hoặc Tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025	An toàn thực phẩm
12	1.013829	2495/QĐ-BYT	193/QĐ-UBND	Cấp giấy chứng nhận đối với thực phẩm xuất khẩu	An toàn thực phẩm
13	1.013814	2072/QĐ-BYT	194/QĐ-UBND	Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung, cấp lại giấy chứng nhận đăng ký thành lập và giải thể cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập	Bảo trợ xã hội

14	1.013815	2072/QĐ-BYT	194/QĐ-UBND	Cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội	Bảo trợ xã hội
15	1.013817	2072/QĐ-BYT	194/QĐ-UBND	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hành nghề công tác xã hội	Bảo trợ xã hội
16	1.013820	2072/QĐ-BYT	194/QĐ-UBND	Thành lập, tổ chức lại, giải thể cơ sở trợ giúp xã hội công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Bảo trợ xã hội
17	1.012993	2072/QĐ-BYT	194/QĐ-UBND	Đăng ký hành nghề công tác xã hội tại Việt Nam đối với người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Bảo trợ xã hội
18	2.000286	2072/QĐ-BYT	194/QĐ-UBND	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội	Bảo trợ xã hội
19	2.000282	2072/QĐ-BYT	194/QĐ-UBND	Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội	Bảo trợ xã hội
20	2.000477	2072/QĐ-BYT	194/QĐ-UBND	Dừng trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội	Bảo trợ xã hội
21	1.014027	2180/QĐ-BYT	194/QĐ-UBND	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp hưu trí xã hội	Bảo trợ xã hội
22	1.014028	2180/QĐ-BYT	194/QĐ-UBND	Hỗ trợ chi phí mai táng đối với đối tượng hưởng trợ cấp hưu trí xã hội	Bảo trợ xã hội
23	1.001776	2072/QĐ-BYT	194/QĐ-UBND	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng	Bảo trợ xã hội
24	1.001731	2072/QĐ-BYT	194/QĐ-UBND	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội	Bảo trợ xã hội
25	2.000355	2072/QĐ-BYT	194/QĐ-UBND	Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn	Bảo trợ xã hội

26	2.000286	2072/QĐ-BYT	194/QĐ-UBND	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội	Bảo trợ xã hội
27	2.000282	2072/QĐ-BYT	194/QĐ-UBND	Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội	Bảo trợ xã hội
28	2.000477	2072/QĐ-BYT	194/QĐ-UBND	Dừng trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội	Bảo trợ xã hội
29	1.013845	2082/QĐ-BYT	194/QĐ-UBND	Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội	Dân số, Bà mẹ - Trẻ em
30	1.004946	2082/QĐ-BYT	194/QĐ-UBND	Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em	Dân số, Bà mẹ - Trẻ em
31	1.004944	2082/QĐ-BYT	194/QĐ-UBND	Chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em	Dân số, Bà mẹ - Trẻ em
32	1.004946	2082/QĐ-BYT	194/QĐ-UBND	Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em	Dân số, Bà mẹ - Trẻ em
33	1.004944	2082/QĐ-BYT	194/QĐ-UBND	Chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em	Dân số, Bà mẹ - Trẻ em
34	1.014069	2257/QĐ-BYT	194/QĐ-UBND	Công bố cơ sở kinh doanh có tổ chức kê thuốc	Dược phẩm
35	1.014076	2278/QĐ-BYT	194/QĐ-UBND	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền)	Dược phẩm
36	1.014078	2278/QĐ-BYT	194/QĐ-UBND	Cho phép nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc có hạn dùng còn lại tại thời điểm thông quan ngắn hơn quy định	Dược phẩm

37	1.014087	2278/QĐ-BYT	194/QĐ-UBND	Cho phép mua thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, thuốc dạng phối hợp có chứa tiền chất thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Dược phẩm
38	1.014090	2278/QĐ-BYT	194/QĐ-UBND	Cấp phép nhập khẩu thuốc thuộc hành lý cá nhân của tổ chức, cá nhân nhập cảnh gửi theo vận tải đơn, hàng hóa mang theo người của tổ chức, cá nhân nhập cảnh để điều trị bệnh cho bản thân người nhập cảnh	Dược phẩm
39	1.014099	2278/QĐ-BYT	194/QĐ-UBND	Cấp Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ trong trường hợp Chứng chỉ hành nghề dược bị ghi sai do lỗi của cơ quan cấp Chứng chỉ hành nghề dược	Dược phẩm
40	1.014104	2278/QĐ-BYT	194/QĐ-UBND	Cấp lại, điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền)	Dược phẩm
41	1.014105	2278/QĐ-BYT	194/QĐ-UBND	Cấp phép xuất khẩu thuốc phải kiểm soát đặc biệt thuộc hành lý cá nhân của tổ chức, cá nhân xuất cảnh gửi theo vận tải đơn, hàng hóa mang theo người của tổ chức, cá nhân xuất cảnh để điều trị bệnh cho bản thân người xuất cảnh và không phải là nguyên liệu làm thuốc phải kiểm soát đặc biệt	Dược phẩm
42	1.001396	3771/QĐ-BYT	194/QĐ-UBND	Cung cấp thuốc phóng xạ	Dược phẩm
43	1.014010	2179/QĐ-BYT	368/QĐ-UBND	Cấp Giấy phép hoạt động hỗ trợ nạn nhân	Phòng chống tệ nạn xã hội

44	1.014011	2179/QĐ-BYT	368/QĐ-UBND	Cấp lại, sửa đổi, bổ sung Giấy phép hoạt động hỗ trợ nạn nhân	Phòng chống tệ nạn xã hội
45	2.000025	2179/QĐ-BYT	368/QĐ-UBND	Cấp Giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân	Phòng chống tệ nạn xã hội
46	2.000027	2179/QĐ-BYT	368/QĐ-UBND	Cấp lại, sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân	Phòng chống tệ nạn xã hội
47	1.000091	2179/QĐ-BYT	368/QĐ-UBND	Đề nghị chấm dứt hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân	Phòng chống tệ nạn xã hội
48	2.001661	2179/QĐ-BYT	368/QĐ-UBND	Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân	Phòng chống tệ nạn xã hội
49	1.012280	2495/QĐ-BYT	368/QĐ-UBND	Điều chỉnh giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh	Khám chữa bệnh
50	1.012289	2495/QĐ-BYT	368/QĐ-UBND	Cấp mới giấy phép hành nghề trong giai đoạn chuyển tiếp đối với hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng	Khám chữa bệnh
51	1.012290	2495/QĐ-BYT	368/QĐ-UBND	Cấp lại giấy phép hành nghề đối với hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng	Khám chữa bệnh

52	1.012291	2045/QĐ_B YT	368/QĐ- UBND	Gia hạn giấy phép hành nghề trong giai đoạn chuyển tiếp đối với hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng	Khám chữa bệnh
53	1.012292	2495/QĐ- BYT	368/QĐ- UBND	Điều chỉnh giấy phép hành nghề trong giai đoạn chuyển tiếp đối với hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng	Khám chữa bệnh
54	1.012276	2045/QĐ_B YT	368/QĐ- UBND	Thu hồi giấy phép hành nghề trong trường hợp quy định tại điểm i khoản 1 Điều 35 Luật Khám bệnh, chữa bệnh	Khám chữa bệnh
55	1.012281	2045/QĐ_B YT	368/QĐ- UBND	Công bố đủ điều kiện thực hiện khám sức khỏe, khám và điều trị HIV/AIDS	Khám chữa bệnh
56	1.012257	2045/QĐ_B YT	368/QĐ- UBND	Cho phép tổ chức hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo theo đợt, khám bệnh, chữa bệnh lưu động thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 79 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh hoặc cá nhân khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo	Khám chữa bệnh
57	1.012258	2045/QĐ_B YT	368/QĐ- UBND	Cho phép người nước ngoài vào Việt Nam chuyển giao kỹ thuật chuyên môn về khám bệnh, chữa bệnh hoặc hợp tác đào tạo về y khoa có thực hành khám bệnh, chữa bệnh.	Khám chữa bệnh
58	1.012256	2045/QĐ_B YT	368/QĐ- UBND	Công bố cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành	Khám chữa bệnh

59	1.012260	2045/QĐ_B YT	368/QĐ- UBND	Công bố đủ điều kiện thực hiện khám bệnh, chữa bệnh từ xa	Khám chữa bệnh
60	1.012261	2045/QĐ_B YT	368/QĐ- UBND	Đề nghị thực hiện thí điểm khám bệnh, chữa bệnh từ xa	Khám chữa bệnh
61	1.012275	2045/QĐ_B YT	368/QĐ- UBND	Đăng ký hành nghề	Khám chữa bệnh
62	1.002600	2293/QĐ- BYT	368/QĐ- UBND	Cấp số tiếp nhận Phiếu công bố sản phẩm mỹ phẩm sản xuất trong nước	Mỹ Phẩm
63	1.002238	2293/QĐ- BYT	368/QĐ- UBND	Xác nhận Đơn hàng nhập khẩu mỹ phẩm dùng cho nghiên cứu, kiểm nghiệm	Mỹ Phẩm
64	1.002483	3246/QĐ- BYT	368/QĐ- UBND	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm	Mỹ Phẩm
65	1.000990	3904/QĐ- BYT	368/QĐ- UBND	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng	Mỹ Phẩm
66	1.000793	3904/QĐ- BYT	368/QĐ- UBND	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm trong trường hợp hết hiệu lực tại Khoản 2 Điều 21 Thông tư số 09/2015/TT-BYT	Mỹ Phẩm
67	1.000662	3904/QĐ- BYT	368/QĐ- UBND	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm khi có thay đổi về tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm và không thay đổi nội dung quảng cáo	Mỹ Phẩm
68	1.003055	7866/QĐ- BYT	368/QĐ- UBND	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm	Mỹ Phẩm
69	1.003064	7866/QĐ- BYT	368/QĐ- UBND	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm	Mỹ Phẩm

70	1.003073	4708/QĐ-BYT	368/QĐ-UBND	Thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm	Mỹ Phẩm
71	1.009566	3246/QĐ-BYT	368/QĐ-UBND	Cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với mỹ phẩm sản xuất trong nước để xuất khẩu	Mỹ Phẩm
72	1.003006		484/QĐ-UBND	Công bố đủ điều kiện sản xuất thiết bị y tế	Thiết bị y tế
73	1.003029		484/QĐ-UBND	Công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với thiết bị y tế thuộc loại A, B	Thiết bị y tế
74	1.003039		484/QĐ-UBND	Công bố đủ điều kiện mua bán thiết bị y tế thuộc loại B, C, D	Thiết bị y tế
75	1.014203	2547/QĐ-BYT	544/QĐ-UBND	Thẩm định điều kiện về cơ sở vật chất, kỹ thuật, nhân sự và đánh giá đáp ứng thực hành tốt đối với cơ sở có hoạt động phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc không vì mục đích thương mại (trường hợp cơ sở có đề nghị); Đánh giá định kỳ; Kiểm soát thay đổi về điều kiện cơ sở vật chất, kỹ thuật, nhân sự đối với cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc, cơ sở bán lẻ thuốc.	Dược phẩm
76	1.014092	2547/QĐ-BYT	544/QĐ-UBND	Cấp Chứng chỉ hành nghề dược (bao gồm cả trường hợp cấp Chứng chỉ hành nghề dược cho người bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề dược theo quy định tại các khoản 1, 2, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11 Điều 28 của Luật Dược) theo hình thức xét hồ sơ	Dược phẩm
77	1.014100	2547/QĐ-BYT	544/QĐ-UBND	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ (trường hợp bị hư hỏng hoặc bị mất)	Dược phẩm
78	1.014101	2547/QĐ-BYT	544/QĐ-UBND	Điều chỉnh nội dung Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ	Dược phẩm

79	1.014102	2547/QĐ-BYT	544/QĐ-UBND	Thông báo hoạt động bán lẻ thuốc lưu động	Dược phẩm
80	1.013860	2093/QĐ-BYT	1477/QĐ-UBND	Cấp giấy chứng nhận bị phơi nhiễm với HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp.	Y Tế dự phòng
81	1.013864	2093/QĐ-BYT	1477/QĐ-UBND	Cấp giấy chứng nhận bị nhiễm HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp.	Y Tế dự phòng
82	1.013878	2495/QĐ-BYT	1477/QĐ-UBND	Cấp mới giấy chứng nhận cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp III	Y Tế dự phòng
83	1.013884		1477/QĐ-UBND	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp III do hết hạn	Y Tế dự phòng
84	1.013893		1477/QĐ-UBND	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp III do bị hỏng, bị mất	Y Tế dự phòng
85	1.013865		1477/QĐ-UBND	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp III do thay đổi tên của cơ sở xét nghiệm	Y Tế dự phòng
86	1.013869		1477/QĐ-UBND	Cấp mới giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện xét nghiệm khẳng định HIV dương tính	Y Tế dự phòng
87	1.013873		1477/QĐ-UBND	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện xét nghiệm khẳng định HIV dương tính	Y Tế dự phòng
88	1.013879		1477/QĐ-UBND	Điều chỉnh giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện xét nghiệm khẳng định HIV dương tính	Y Tế dự phòng
89	1.013890		1477/QĐ-UBND	Công bố đủ điều kiện thực hiện hoạt động quan trắc môi trường lao động	Y Tế dự phòng

90	1.013866		1477/QĐ-UBND	Đăng ký lưu hành mới chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	Y Tế dự phòng
91	1.013874		1477/QĐ-UBND	Gia hạn số đăng ký lưu hành chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	Y Tế dự phòng
92	1.013887		1477/QĐ-UBND	Đăng ký lưu hành bổ sung do thay đổi quyền sở hữu số đăng ký lưu hành chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	Y Tế dự phòng
93	1.013891	2495/QĐ-BYT	1477/QĐ-UBND	Đăng ký lưu hành bổ sung do đổi tên chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	Y Tế dự phòng
94	1.013895		1477/QĐ-UBND	Đăng ký lưu hành bổ sung do thay đổi địa điểm cơ sở sản xuất, thay đổi cơ sở sản xuất chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	Y Tế dự phòng
95	1.013867		1477/QĐ-UBND	Đăng ký lưu hành bổ sung do thay đổi tên, địa chỉ liên lạc của đơn vị đăng ký, đơn vị sản xuất chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	Y Tế dự phòng
96	1.013868		1477/QĐ-UBND	Đăng ký lưu hành bổ sung do thay đổi tác dụng, liều lượng sử dụng, phương pháp sử dụng, hàm lượng hoạt chất, hàm lượng phụ gia cộng hưởng, dạng chế phẩm, hạn sử dụng, nguồn hoạt chất	Y Tế dự phòng
97	1.013870		1477/QĐ-UBND	Đăng ký cấp lại giấy chứng nhận đăng ký lưu hành đối với chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	Y Tế dự phòng
98	1.013872		1477/QĐ-UBND	Thông báo thay đổi nội dung, hình thức nhãn chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	Y Tế dự phòng

99	1.013875		1477/QĐ-UBND	Cấp giấy phép nhập khẩu chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế nhập khẩu để nghiên cứu	Y Tế dự phòng
100	1.013880	2495/QĐ-BYT	1477/QĐ-UBND	Cấp giấy phép nhập khẩu chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế phục vụ mục đích viện trợ	Y Tế dự phòng
101	1.013881		1477/QĐ-UBND	Cấp giấy phép nhập khẩu chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế là quà biếu, cho, tặng	Y Tế dự phòng
102	1.013883	2495/QĐ-BYT	1477/QĐ-UBND	Cấp giấy phép nhập khẩu chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế do trên thị trường không có sản phẩm hoặc phương pháp sử dụng phù hợp với nhu cầu của tổ chức, cá nhân xin nhập khẩu	Y Tế dự phòng
103	1.013886	2495/QĐ-BYT	1477/QĐ-UBND	Cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế xuất khẩu thuộc quyền quản lý của Bộ Y tế	Y Tế dự phòng
104	1.013889	2495/QĐ-BYT	1477/QĐ-UBND	Sửa đổi, bổ sung, cấp lại giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế xuất khẩu thuộc quyền quản lý của Bộ Y tế	Y Tế dự phòng
105	1.013892	2093/QĐ-BYT	1477/QĐ-UBND	Đình chỉ lưu hành, thu hồi số đăng ký lưu hành chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	Y Tế dự phòng
106	1.013896		1477/QĐ-UBND	Cấp Giấy Tiếp nhận bản công bố hợp quy dựa trên kết quả chứng nhận hợp quy của tổ chức chứng nhận hợp quy được chỉ định (bên thứ ba) đối với thuốc lá	Y Tế dự phòng
107	1.013898	2093/QĐ-BYT	1477/QĐ-UBND	Cấp Giấy Tiếp nhận bản công bố hợp quy dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thuốc lá (bên thứ nhất)	Y Tế dự phòng

108	1.013894	1477/QĐ- UBND	Cấp lại Giấy Tiếp nhận bản công bố hợp quy đối với thuốc lá	Y Tế dự phòng
-----	----------	------------------	---	---------------